

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/HNGĐ-ST

Ngày. 29 – 8 - 2022

*“V/v: Không công nhận
quan hệ vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Liên

- Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thảo - kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 516/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2022 về việc *“Không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 120/QĐST –HNGĐ ngày 11/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mao Phi H – sinh năm 1972

Địa chỉ: thôn x, xã HP, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị L – sinh năm 1971

Địa chỉ: thôn x, xã HP, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Mao Phi H trình bày:**

Tôi và bà Trần Thị L tự nguyện chung sống từ năm 1992, có tổ chức đám cưới hai bên gia đình chứng kiến nhưng không đăng kí kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, chúng tôi bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, không thể chung sống được nữa. Đến năm 2015 thì tôi phạm tội và chấp hành án phạt tù tại tỉnh Lâm Đồng và năm 2021 thì quay trở về sinh sống tại địa phương. Từ đó đến nay chúng tôi cũng không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau nữa, không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chúng tôi là vợ chồng.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là cháu Mao Thành Đ - sinh ngày 16/02/2006. Thời gian tôi đi chấp hành án thì cháu Mao Thành Đ ở với mẹ là bà Trần Thị L. Nếu Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn thì nguyện vọng của tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mao Thành Đ và không yêu cầu bà Trần Thị Lành cấp dưỡng nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không nợ ai và cũng không ai nợ chúng tôi.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị L trình bày:***

Bà Trần Thị L và ông Mao Phi H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới có hai bên gia đình chứng kiến vào năm 1992. Tuy nhiên do bận đi làm kiếm sống và cũng thiếu hiểu biết nên không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 ông Mao Phi H đi chấp hành án ở tỉnh Lâm Đồng, đến năm 2021 thì ông Mao Phi H chấp hành án trở về địa phương. Từ đó đến nay chúng tôi đã không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Nay tình cảm giữa tôi và ông Mao Phi H không còn nữa, nhưng vì chúng tôi không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa tôi và ông Mao Phi H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có một con chung là cháu Mao Thành Đ sinh ngày 16/02/2006. Thời gian ông Mao Phi H đi chấp hành án thì cháu ở với tôi. Nay cháu Mao Thành Đ ở với ông Mao Phi H, nếu Tòa án không công nhận chúng tôi là vợ chồng thì đề nghị để cháu Mao Thành Đ cho ông Mao Phi H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị L và ông Mao Phi H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Mao Phi H và bà Trần Thị L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mao Phi H không công nhận ông Mao Phi H và bà Trần Thị L là vợ chồng. Về con chung: Ông H và bà L có một con chung là cháu Mao Thành Đ - sinh ngày 16/02/2006, quá trình giải quyết ông bà thống nhất giao cháu Đ cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mao Phi H và bà Trần Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Mao Phi H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Buôn Ma Thuột, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mao Phi H và bà Trần Thị L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1992 đến nay, tuy nhiên ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng đối với ông H và bà L.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ông H yêu cầu không công nhận quan hệ giữa ông và bà L là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Ông Mao Phi H và bà Trần Thị L có 01 con chung là cháu Mao Thành Đ – sinh ngày 16/02/2006. Hiện đang do ông bà nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung đang do ông H nuôi dưỡng quá trình giải quyết vụ án ông H, bà L đều đồng ý giao con chung cho

ông H nuôi dưỡng đến khi thành niên. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần và xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Đ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đ cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Trần Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Mao Phi H và bà Trần Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mao Phi H và bà Trần Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Mao Phi H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 14; Điều 16; Khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mao Phi Hồ

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Mao Phi H và bà Trần Thị L là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Mao Thành Đ – sinh ngày 16/02/2006 cho ông Mao Phi H nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Bà Trần Thị L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Mao Phi H và bà Trần Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mao Phi H và bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Mao Phi H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0019663 ngày 16/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THA DS TP BMT;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Văn Dự